BẢO TÀNG ĐỒNG NAI

398.095 977 5
ĐC
NGH 300 V

NGHI và VĂN CÚNG CHỮ HÁN Ở THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

NGHI VÀ VĂN CÚNG CHỮ HÁN Ở THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

BẢO TÀNG ĐỒNG NAI

NGHI VÀ VĂN CÚNG CHỮ HÁN Ở THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

000911

THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

CHỦ BIÊN:

TRẦN QUANG TOẠI

PHIÊN ÂM, DỊCH NGHĨA CHÚ GIẢI:

NHÀ NGHIÊN CỨU HÁN NÔM: **LÝ VIỆT DŨNG**

BAN BIÊN SOẠN:

CAO VĂN VĨNH
TRỊNH VĂN LÝ
LÊ XUÂN HẬU
NGUYỄN THỊ TUYẾT HỒNG
ĐẶNG HỮU TRÍ
TRẦN MINH TRÍ
NGUYỄN TRẦN KIỆT
NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH

LỜI GIỚI THIỆU

Tế tự, kính cáo với Tổ tiên, các bậc Tiền hiền, Hậu hiền, các chư vị thần linh ở các đình, đền, miếu trong những lễ Kỳ yên, là một trong những tập tục tín ngưỡng dân gian truyền thống của dân tộc phương Đông nói chung, người Việt nói riêng. Ngoài các lễ vật phụng cúng (heo, gà, các loại bánh, hoa quả, nhang đèn...), thì văn cúng là một trong những nội dung quan trọng được xướng lên trong lễ cúng.

Đồng Nai là vùng đất có truyền thống văn hóa, lịch sử; vùng đất quy tụ các tộc người bản địa, người Việt, từ khắp mọi miền của đất nước, nhất là những người từ vùng Ngũ Quảng, rồi cả người Hoa vào sinh sống lập nghiệp. Những đặc điểm về văn hóa, tâm linh, tín ngưỡng của các vùng miền được người dân mang theo và đình làng được xây dựng không chỉ là một biểu trưng cho sở hữu cộng đồng trên vùng đất mới, mà còn là một thiết chế văn hóa, mà ở đó người dân thực hành những nghi lễ truyền thống, cố kết được cư dân địa phương trong lao động sản xuất, trong việc nâng cao cuộc sống tinh thần, tâm linh.

Người Việt xưa quan niệm con người và các vị thần có một sự gắn bó vô hình nhất định. Sự gắn bó đó xuất phát từ việc giải thích những hiện tượng tự nhiên; sự kính trọng với những người có nhiều đóng góp trong việc mở đất, mở cõi, giúp đất nước giữ vững độc lập, giúp nhân dân trong lao động sản xuất và phát triển cuộc sống. Thần với người Việt rất đa dạng, có khi là một hiện tượng tự nhiên, có khi là một nhân vật trong truyền thuyết, phần nhiều là những nhân vật lịch sử có công dựng nước, những người có công trong việc khai mở, xây dựng vùng đất mới.

Đứng trên góc độ tín ngưỡng tâm linh, nghi lễ cúng tế, bái tế là một hình thức để con người có thể nối thông với thần linh theo quan niệm "cảm tắc thông, cầu tất ứng", để con người bày tỏ tấm lòng thành

của mình với chư vị thần linh, người đã phò trì, hộ độ cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi, cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Nghi lễ cúng và văn cúng, đặc biệt văn cúng chữ Hán, Nôm là loại hình di sản văn hóa phi vật thể có ý nghĩa về mặt văn hóa tín ngưỡng, tâm linh rất cần được bảo tồn, trong điều kiện ngày càng ít đi những người nghiên cứu về chữ Hán, Nôm.

Qua chương trình Mục tiêu quốc gia "Tổng kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể ở Đồng Nai", Bảo tàng Đồng Nai đã sưu tầm được 276 văn cúng ở 137 ngôi đình, đền, miếu..., trong đó có 211 văn cúng chữ Hán, 60 văn cúng chữ Việt và 5 văn cúng chữ Nôm. Để bảo tồn loại hình văn cúng cổ, Bảo tàng phối hợp cùng nhà nghiên cứu Lý Việt Dũng phiên âm, dịch nghĩa, chú giải toàn bộ phần văn cúng, tế Hán, Nôm làm cơ sở để nghiên cứu về giá trị văn hóa của loại hình văn cúng, văn tế này. Cuốn sách này, tập trung giới thiệu các nghi cúng, văn cúng tế... đã sưu tầm ở thành phố Biên Hòa mong giúp cho những người quan tâm trong và ngoài tỉnh hiểu thêm về giá trị một bộ phận di sản văn hóa chữ Hán ở địa phương; hiểu hơn về những nét đẹp văn hóa tín ngưỡng, tâm linh mang tính truyền thống ở Đồng Nai.

Chúng tôi chân thành cám ơn Ban quý tế các đình, miếu trong tỉnh đã giúp chúng tôi sưu tầm được những bài văn cúng chữ Hán, Nôm có giá trị; cám ơn nhà nghiên cứu Lý Việt Dũng cùng nhóm cộng tác đã rất nhiều nỗ lực trong việc phiên âm, dịch nghĩa, chú giải. Trong phần chú giải này có trích dẫn tư liệu ở nhiều sách nhưng chủ yếu là quyển "Đình Nam bộ xưa và nay" của hai Ông Huỳnh Ngọc Trảng và Trương Ngọc Tường. Vậy nơi đây, xin chân thành cảm tạ hai tác giả của sách "Đình Nam bộ xưa và nay" đã vui lòng giúp đỡ.

Trần Quang Toại

PHẦN MỞ ĐẦU

Văn cúng, văn tế Hán Nôm có nguồn gốc từ lễ tế Xã Tắc. Lễ tế Thần Xã Tắc là hình thức tín ngưỡng lâu đời của cư dân nông nghiệp. Xã là đàn thờ thần Thổ Địa, Tắc là đàn thờ thần Ngũ Cốc. Ở Việt Nam ngay sau khi lên ngôi ở kinh đô Hoa Lư năm 968, vua Đinh Tiên Hoàng cho dựng cung điện, chế triều nghi, sắp đặt trăm quan và lập đàn Xã Tắc. Năm 1010, nhà Lý dời đô về Thăng Long, đến thời Lý Thái Tông (năm Mậu Tý 1048), mới cho lập đàn Xã Tắc ngoài cửa Trường Quảng, bốn mùa cầu đảo cho mùa màng. Triều đình quy định phẩm vật trong lễ tế Xã Tắc rằng: cúng Xã Tắc thì dâng cỗ thái bảo (trâu, dê, lợn mỗi thứ một con), cúng thần sông núi thì dâng cỗ thiếu lao (dê, lợn mỗi thứ một con). Năm Ất Mão 1435, nhà Lê quy định ngày Mậu Thân tế Xã Tắc. Thời Tây Sơn (1788–1801) lấy chùa Thiên Mụ làm nền đàn tế Xã Tắc. Đàn tế Xã Tắc ở Kinh đô Huế được xây dựng một cách quy mô vào tháng ba năm Gia Long thứ 5 (1806), triều đình còn cho xây dựng đàn Xã Tắc ở nhiều địa phương khác, đồng thời điển chế hóa các nghi thức cúng bái để lễ tế này được tổ chức quy củ hàng năm. Gồm có các lễ như: quán tẩy, ế mao huyết, thượng hương, nghinh thần, điện ngọc bạch hành sơ hiến lễ, truyền chúc, á hiến lễ, chung hiến lễ, tứ phước tộ, triệt soạn, tống thần, tư chúc bạch soạn.

Quá trình mở mang khai khẩn vùng đất mới Đồng Nai với những cư dân từ phương Bắc, Trung vào lập nghiệp đã đem theo những phong tục tập quán, những nét văn hóa riêng biệt làm phong phú thêm bản sắc văn hóa của Đồng Nai. Với đạo lý uống nước nhớ nguồn, nên họ đi tới đâu đều lập đình, miếu nhằm đáp ứng những nhu cầu tâm linh nơi vùng đất mới. Hàng năm, có tổ chức cúng đình mà hễ có cúng đình phải có bài văn tế nhằm đề cao công đức người xưa để mong được phước lành, thịnh vượng nơi hoang sơ vừa được khai phá. Ở Đồng Nai thời kỳ khai phá những người biết chữ Nho rất ít, các bài văn tế

chủ yếu do những người miền Trung đem vào cho nên những mỹ tự (hiệu đẹp) các Thần đều có dáng dấp các nhân thần hay nhiên thần ngoài Trung, ngoài Bắc cộng với các phúc thần miền Nam. Những nghi thức tế tự theo điển lệ cũng theo bước chân những lưu dân du nhập vào phương Nam và được những cư dân nơi đây vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo dựa theo đặc điểm chung của tình hình thực tế nơi vùng đất mới.

Văn cúng tế là một hình thức văn tự biểu hiện tấm lòng của hậu thế đối với các bậc tiền nhân có công khai khẩn, mở mang vùng đất, phù hộ cho quốc thái dân an... Ẩn chứa trong những di sản văn hóa đó là những giá trị to lớn ghi lại những quan điểm Nho giáo trong việc tổ chức vấn đề trị nước, xây dựng nếp sống gia đình truyền thống, phong tục tập quán trong xã hội, nhớ ơn những bậc tiền nhân có công khai hoang lập ấp, những bậc hậu hiền có công mở mang xóm làng... Văn cúng tế được tiến hành tuân thủ theo nghi thức điển lệ được quy định từ xưa, với lối hành văn bác học, xưa kia do Hội tư văn (những người giỏi chữ Hán) thừa soạn và lưu truyền. Hiện nay, người chịu trách nhiệm soạn thảo văn cúng là các thầy lễ (trong số các thầy lễ có người biết chữ Hán thì tự soạn, không biết thì soạn chữ Việt hoặc đi nhờ hay thuê người viết).

Văn cúng tế ở Biên Hòa, Đồng Nai có các loại: văn cúng đình, văn cúng Tiên sư, văn cúng Tiền hiền, Hậu hiền, văn cúng Hậu bối, Tiên bối, văn cúng Túc Yết, văn cúng Chánh Đàn, văn cúng Tống Ôn, văn tế Thập loại Cô hồn, văn Tống xuân, văn cúng Thần Nông, văn cúng Chúa Sơn Lâm, văn Hành khiển Hành binh, văn tế Chiến sĩ trận vong, văn cúng miếu (miếu Bà Ngũ Hành, Bà Chúa Xứ, miếu Bà Thiên Hậu, Miếu Quan Âm).

Tùy theo đặc điểm, tín ngưỡng dân gian trong thờ tự của mỗi đình mà số lượng các vị thần được vinh danh trong các bản văn cúng nhiều hay ít. Do đó, nội dung mỗi bản văn cúng ở mỗi đình đều khác nhau, phụ thuộc hoàn toàn vào những công huân mà vị thần đó phù trợ cho nhân dân trong làng. Sự tiếp biến văn hóa giữa các nền văn hóa Chăm, Hoa... đã làm phong phú thêm số lượng các vị Thần được nhân dân thờ tự tại đình. Thông thường bao hàm ở những đối tượng sau: Thần Thành hoàng Bổn Cảnh, Tả Ban, Hữu Ban, Thiên Y A Na Rằng Bà Chúa Ngọc Quang Linh Túy Tinh, Ngũ Hành (Mộc tinh tiên

nương, Kim tinh tiên nương, Thủy tinh tiên nương, Hỏa tinh tiên nương, Thổ tinh tiên nương), Mộc thụ tiên nương, Hà Bá, Thủy Quan, Nhị vị công tử, Hồng, Hạnh nương nương, Thần nông, Hậu tắc, Bạch Mã Thái giám, Hổ lang sơn quân, Bổn xứ Thần dương, Ngũ miếu thần quan tiên sư, Mộc trụ sơn Thần cập bộ hạ, Tiền hiền khai khẩn, hậu hiền khai khẩn, Chúa Ngung Man Nương, Chúa Mạch, chúa Lạc, Các đẳng nhan dương, Hữu danh vô vị, hữu vị vô danh, Thần Chăm, Thần Chợ, Mọi Rợ đẳng Thần, Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Tứ Vị Thánh Nương Vương, Phi Vận Tướng Quân, Đông Nam Sát Hải Nhị Đại Tướng Quân, Ngũ Thổ Long Thần (Thổ Công, Thổ Kỳ, Thổ Chủ, Thổ Phủ, Thổ Địa), Thanh Long, Bạch Hổ, Ngũ Tự tôn Thần, Thần Tài, Tiên sư, Ngũ Cốc, Tam đầu nhà lang, Tứ đầu nhà cầm, Nam Hải tướng quân, Bổn thổ Cô hồn, Cẩm địa, Tiền thứ...

Bố cục của một bài văn cúng, văn tế gồm:

+ *Phần đầu* (lòng văn): nêu giờ, ngày, tháng, năm, nơi tổ chức lễ, nơi tọa lạc của ngôi đình: thôn, xã, tổng, huyện; thành phần ban tế tự gồm những ai, cung kính dâng lên thần những phẩm vật gì. Một số bản văn cúng soạn sau này thường đề: xã (phường), huyện, tỉnh (thành phố), nước Việt Nam.

Chuyển mạch bằng câu: *Cảm chiêu cáo vu* (nghĩa là: những dám cáo báo cùng vị Thần sở tại, các thần tòng tự và hầu như toàn thể các thần ở hai triều Lê, Nguyễn và các nhân thần là núi to, sông lớn của Việt Nam).

+ *Phần hai* (lòng linh): liệt kê danh mục những vị thần được thờ tại đình mời đến chứng lễ. Danh mục các vị thần này nhiều ít phụ thuộc vào mỗi đình.

+ *Phần ba* (lòng chúc): là những lời tán tụng, tinh biểu công đức của thần. Ghi uy danh đức độ của Thần ủng hộ xóm làng, sĩ, nông, công, thương được vẹn vẻ mười mươi. Sau đó bày tỏ lòng biết ơn của nhân dân đối với thần trong việc che chở, giúp đỡ nhân dân trong suốt thời gian qua, đồng thời cầu xin thần ban cho phước huệ, an bình, mưa thuận gió hòa, khang ninh thịnh trị trong năm tới. Câu kết của lòng văn là một câu cảm ơn Thần. Nội dung, độ ngắn, dài, hay, dở của lòng chúc phần lớn phụ thuộc vào công trạng các vị thần, vào trình độ của người soạn thảo.

Qua thời gian, những di sản phi vật thể ấy vẫn tồn tại trong đời sống và được các bậc kỳ lão giữ gìn một cách tự nguyện; thực trạng hiện nay là cùng với sự phát triển của đất nước, những giá trị di sản chữ Hán Nôm ở Đồng Nai đã bị mai một rất nhiều; những bài văn cúng tế Hán Nôm đặc sắc có giá trị nghiên cứu khoa học đến nay đã bị thất truyền. Nguyên nhân do những bô lão am tường về nó dần qua đời, ý thức giữ gìn của người dân chưa cao do họ không biết chữ Hán, không hiểu được tường tận nội dung, nên số lượng các bản văn cúng tế bị thất lạc rất nhiều; lớp trẻ không có nhu cầu học chữ, tìm hiểu chữ Hán. Một thực trạng nữa là hầu hết các vị cao niên không biết chữ Hán, thiếu tâm huyết trong việc tìm hiểu, giải mã; nơi nào còn giữ được văn cúng tế bằng chữ Hán thì khi tế tự sẽ dựa trên phần phiên âm thành chữ Việt viết kế bên vốn sao đi sao lại nhiều lần nên chữ đúng, chữ sai dẫn đến đọc phiên âm không đúng, không sát với văn cảnh, khó hiểu hết ý nghĩa sâu xa của bài văn; ảnh hưởng phần nào đến chất lượng các buổi tế tự. Những bài văn cúng tế của người Việt, Hoa thường sử dụng các điển tích, điển cố, chữ cổ soạn với lối hành văn cổ mang ý nghĩa sâu xa ẩn chứa những triết lý về nhân sinh, nhân văn, đạo đức... Nguyên nhân quan trọng là sự đầu tư của nhà nước trong việc nghiên cứu bảo tồn thể loại văn cúng, tế chưa thỏa đáng; khiến cho số lượng các bản văn cúng tế cứ bị mất dần. Những người yêu vốn chữ Hán cổ chỉ làm bằng lòng yêu thích, tự nguyện, tâm huyết. Văn cúng sau khi xướng trong lễ tế (công bố cho bá tánh) thì được đốt đi (gửi lên cho Thần Thánh). Đúng ra, theo xưa văn cúng có bản lưu là bản khắc gỗ; từ đó theo lệ cúng tương ứng mà in ra.

Những yếu tố khách quan tác động đến như: sự phát triển của nền tri thức hiện đại, tốc độ đô thị hóa ngày một nhanh đã ảnh hưởng phần nào đến thể loại văn cúng tế nói chung và di sản Hán Nôm nói riêng. Điều kiện kinh tế của các đình quá eo hẹp, một số ngôi đình muốn khôi phục theo lệ xưa nhưng "lực bất tòng tâm". Một số người tâm huyết với mảng văn cúng tế tuổi ngày một cao, sức yếu...

Hiện nay, số lượng người am tường chữ Hán không nhiều do đó rất nhiều đình sử dụng văn cúng chữ Việt (phiên âm lại từ chữ Hán và lưu truyền qua nhiều thế hệ). Một số đình muốn phục cổ thì nhờ thầy lễ hoặc người biết chữ Hán là người Hoa viết lại, có khi đánh vi tính chữ Hán và chú âm chữ Việt kế bên để khi cúng đọc. Có trường hợp

tam sao thất bản (sao chép tay, photo nhiều lần) dẫn tới sai lệch, dị biệt về ngữ nghĩa. Có đình sử dụng văn cúng của đình khác nhưng nhầm tưởng của đình mình. Việc một số đình sao chép văn cúng các đình khác cải biên lại cũng phần nào ảnh hưởng chất lượng văn cúng.

Những nguyên nhân khách quan, chủ quan đang làm vốn di sản Hán Nôm bị mai một. Năm 2007, Bảo tàng Đồng Nai đã tiến hành sưu tầm văn cúng tế Hán Nôm trên hầu hết các xã, phường của 11 huyện, thị, thành thuộc tỉnh Đồng Nai nhằm mục đích bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa của thể loại này trong thực tế đời sống, làm tư liệu lưu trữ, giáo dục. Năm 2008, các bài văn cúng tế này được Bảo tàng Đồng Nai cùng học giả Lý Việt Dũng phiên âm, dịch nghĩa, chú giải. Trong cuốn sách này, chúng tôi chỉ tập trung giới thiệu những bài nghi cúng, văn cúng tế ở đình, miếu tại thành phố Biên Hòa làm tư liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu, Ban quý tế các ngôi đình, miếu... Ngoài ra, còn một số bài văn cúng tế ở xã An Hòa, chùa Ông xã Hiệp Hòa, chùa Ông (xã An Hòa), Phụng Sơn Tự (phường Quyết Thắng), Đền thờ Trần Hưng Đạo (phường Tân Tiến)... cũng được giới thiệu trong cuốn sách nhằm làm phong phú thêm nguồn tư liệu so sánh, đối chiếu, tham khảo.

Đối với các bài nghi cúng đình, văn cúng tế ở đình, miếu tại thành phố Biên Hòa số còn nguyên vẹn rất ít, quá nửa đều bị "dập nát" nặng nề ở phần cuối: phần lòng chúc. Phần này có nội dung nói qua diễn trình tế lễ, ca tụng cảm tạ Thần Thánh, xin ơn phù trợ... Đây là phần giàu chất văn chương nhất, thường được viết theo lối **Phú**, gồm các cặp đối, có vần (hoặc suốt một vần, hoặc đổi vần). Trên bản sưu tầm, có thể thấy nhiều chỗ "lộn chữ đồng âm – lộn chữ đồng dạng", dễ gây "đọc trật – hiểu sai". Trên bản sưu tầm, cũng dễ nhận ra một số cặp đối bị "phá vỡ". Hiện trạng đó làm cho phần lòng chúc của bản văn hết sức trắc trở về ngữ nghĩa lẫn âm luật, có khi trắc trở tới mức không thể hiểu được. Nhiều đình có chung phần này thì các đoạn văn giống hệt nhau, cả chỗ sai – thiếu – rối...

Trước thực trạng trên, việc chỉnh lý, dọn nền buộc phải làm trước khi biên dịch. Việc này được thực hiện dựa trên: (1) bản sưu tầm, (2) đặc điểm "có đối – có vần" của phú, (3) hợp lý nội dung, và được tiến hành cặn kẽ qua các bước sau: phục hồi các cặp đối: dựa trên (1)

bản sưu tầm, (2) phương pháp phân tích cấu trúc, (3) các mô thức đối truyền thống. Việc đầu tiên phải làm khi chỉnh lý là phục hồi các cặp đối, có khi phải bắt đầu từ vế đối hoặc cụm từ. Kế tiếp là công đoạn chỉnh tinh: ráp vá chỗ "thiếu chữ – thiếu vế"; thay chữ cho "hợp nghĩa – hợp vần". Một số chữ lạc chỗ đã tìm lại đúng chỗ của nó. Một số chữ trước đây "chép sai, chép thừa, chép thiếu" đều được nhận diện và xử lý. Công đoạn sau cùng là sắp xếp lại các cặp đối lạc chỗ theo trật tự nội dung. Qua chỉnh lý, phục hồi bài văn rõ ra, tìm lại được âm điệu và vẻ đẹp văn chương cổ.

PHẦN NGHI CÚNG

TÚC YẾT NGHI THỨC

新監古庙、祈安儀節文式集成爲一本註認

肅謁儀式

(外唱):糾察祭物。執事者各司其事。樂笙就位。起鉦鼓。

分献、陪拜各就位。正祭就位。盥洗。復位。

將敕。跪。啟敕。奉敕安位。俯伏。興平身。

(内 唱):詣 香 案 前。跪。焚 香。上 香。俯伏。興平身。

迎神鞠躬拜(凡四)。興平身。

(外 唱):進 爵。跪。酌 酒。献 酒。俯 伏。興拜(凡四)。興平身。

奉告文。皆跪。讀告文。

(外唱):俯伏。興平身。進爵。跪。酌酒。献酒。俯伏。興拜(凡二)。興平身。復位。

焚告文。鞠躬拜(凡四)。興平身。

礼成。

Phiên âm:

Tân Giám cổ miếu, Kỳ an nghi tiết văn thức tập thành vi nhất bổn chú nhận

Túc yết nghi thức

(Ngoại xướng): Củ sát tế vật. Chấp sự giả các tư kỳ sự. Nhạc sanh tựu vị. Khởi chinh cổ.

Phân hiến, Bồi bái các tựu vị. Chánh tế tựu vị. Quán tẩy. Phục vị.

Tương sắc. Quỵ. Khải sắc. Phụng sắc an vị. Phủ phục. Hưng bình thân.

(Nội xướng): Nghệ hương án tiền. Quỵ. Phần hương. Thượng hương. Phủ phục. Hưng bình thân.

Nghinh Thần cúc cung bái (phàm tứ). Hưng bình thân.

(Ngoại xướng): Tấn tước. Quỵ. Chước tửu. Hiến tửu. Phủ phục. Hưng bái (phàm tứ). Hưng bình thân.

Phụng cáo văn. Giai quỵ. Độc cáo văn.

(Ngoại xướng): Phủ phục. Hưng bình thân. Tấn tước. Quỵ. Chước tửu. Hiến tửu. Phủ phục. Hưng bái (phàm nhị). Hưng bình thân. Phục vị.

Phần cáo văn. Cúc cung bái (phàm tứ). Hưng bình thân.

Lễ thành.

Tạm dịch:

Nghi tiết và văn thức miếu xưa Tân Giám (xã Hiệp Hòa) được tập hợp lại thành một bổn để nhận chú.

Nghi thức lễ Túc yết

(Bên ngoài hô): Kiểm soát tế vật. Các người giữ việc ai lo việc nấy. Nhạc sanh vào trước bàn nghi. Nổi chiêng trống lên.

Các ông Phân hiến và Bồi bái đều vào trước bàn nghi. Ông chánh tế vào trước bàn nghi. Rửa tay, rửa mặt. Trở về chỗ cũ trước bàn nghi.

Đem sắc Thần ra. Quì xuống. Mở sắc ra. Kính phụng sắc an vị. Quì mọp xuống. Đứng lên nghiêm mình.

(Bên trong hộ): Đến trước bàn thờ hương án. Quì xuống. Đốt hương. Dâng hương. Quì mọp xuống. Đứng lên nghiêm mình.

Đón rước Thần mọp mình cung kính lạy bốn lạy. Đứng lên nghiêm mình.

(Bên ngoài hô): Tiến dâng rượu lễ. Quì xuống. Rót rượu. Dâng rượu. Quì mọp xuống. Lạy bốn lạy. Đứng lên nghiêm mình.

Phụng nâng cáo văn. Tất cả đều quì. Đọc cáo văn.

(Bên ngoài hô): Quì mọp xuống. Đứng lên nghiêm mình. Tiến dâng rượu lễ. Quì xuống. Rót rượu. Dâng rượu. Quì mọp xuống. Lạy hai lạy. Đứng lên nghiêm mình. Trở về chỗ cũ trước bàn nghi.

Đốt cáo văn. Mọp mình cung kính lạy bốn lạy. Đứng lên nghiêm mình.

Lễ xong.

(Đình Tân Giám – ấp Nhất Hòa, xã Hiệp Hòa, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

TÚC YẾT NGHI TIẾT

丁卯年祈安常例(新制加咸儀)

肅謁儀節

糾察祭物。執事者各司其事。樂笙就位。起鉦鼓。樂笙奏樂。

祝聖、祝壽。加官進爵。

分献、陪拜各就位。正祭就位。詣盥洗所。盥洗。復位。

奉敕詣陛前。跪。啟敕。奉敕安位。俯伏。興平身。

(内唱):詣香案前。跪。焚香。上香。俯伏。興平身。

迓神鞠躬拜(凡四)。興平身。

稍退。

員官、鄉職就位。謁神鞠躬拜。復位。進爵。跪。酌醴。献爵。俯伏。興平身。

詣讀祝位。皆跪。宣讀告文。

(内唱):俯伏。興拜(凡二)。興平身。復位。進爵。跪。酌醴。献爵。俯伏。興拜(凡二)。興平身。復位。

點茶。鞠躬拜(凡四)。興平身。

禮成。

000911

Phiên âm:

Đinh Mão niên Kỳ an thường lệ (Tân chế gia hàm nghi)

Túc yết nghi tiết

Củ sát tế vật. Chấp sự giả các tư kỳ sự. Nhạc sanh tựu vị. Khởi chinh cổ. Nhạc sanh tấu nhạc.

Chúc thánh, chúc thọ. Gia quan tấn tước.

Phân hiến, Bồi bái các tựu vị. Chánh tế tựu vị. Nghệ quán tẩy sở. Quán tẩy. Phục vị.

Phụng sắc nghệ bệ tiền. Quỵ. Khải sắc. Phụng sắc an vị. Phủ phục. Hưng bình thân.

(Nội xướng): Nghệ hương án tiền. Quỵ. Phần hương. Thượng hương. Phủ phục. Hưng bình thân.

Nghinh Thần cúc cung bái (phàm tứ). Hưng bình thân.

Sảo thoái.

Viên quan, hương chức tựu vị. Yết Thần cúc cung bái. Phục vị.

THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

Tấn tước. Quỵ. Chước lễ. Hiến tước. Phủ phục. Hưng bình thân.

Nghệ độc chúc vị. Giai quỵ. Tuyên độc cáo văn.

(Nội xướng): Phủ phục. Hưng bái (phàm nhị). Hưng bình thân. Phục vị. Tấn tước. Quỵ. Chước lễ. Hiến tước. Phủ phục. Hưng bái (phàm nhị). Hưng bình thân. Phục vị.

Điểm trà. Cúc cung bái (phàm tứ). Hưng bình thân.

Lễ thành.

Tạm dịch:

Lệ thường cúng Kỳ yên năm Đinh Mão (Qui chế mới thêm cả nghi)

Nghi tiết cúng Túc yết

Kiểm soát đồ vật cúng tế. Các người giữ việc ai nấy lo việc mình. Nhạc lễ vào trước bàn nghi. Nổi chiêng trống. Nhạc lễ trỗi nhạc.

Chúc thánh, chúc thọ. Gia quan tấn tước.

Các ông Phân hiến, Bồi bái đều vào trước bàn nghi. Chánh tế vào trước bàn nghi. Đến chỗ rửa tay và mặt. Rửa tay và mặt. Trở về chỗ cũ trước bàn nghi.

Phụng sắc đến trước bệ thờ. Quì xuống. Mở sắc ra. Đặt sắc vào chỗ an vị. Quì mọp xuống. Đứng lên nghiêm mình.

(Bên trong hô): Đến trước bàn hương án. Quì xuống. Đốt hương. Dâng hương. Quì mọp xuống. Đứng lên nghiêm mình.

Đón rước Thần mọp người cung kính lạy bốn lạy. Đứng lên nghiêm mình.

Tạm lui ra phía sau một chút.

Viên quan, hương chức đều vào trước bàn nghi. Tham yết Thần cung kính lạy. Quay về chỗ cũ trước bàn nghi. Tiến dâng rượu lễ. Quì xuống. Rót rượu. Dâng rượu. Quì mọp xuống. Đứng lên nghiêm mình.

Đến chỗ đọc chúc văn. Tất cả đều quì. Tuyên đọc chúc văn.

(Bên trong hô): Quỳ mọp xuống. Lạy hai lạy. Đứng lên nghiêm mình. Quay về chỗ cũ trước bàn nghi. Tiến dâng rượu lễ. Quì xuống. Rót rượu. Dâng rượu. Quì mọp xuống. Lạy hai lạy. Đứng lên nghiêm mình. Quay về chỗ cũ trước bàn nghi.

Rót dâng trà. Mọp người cung kính lạy bốn lạy. Đứng lên nghiêm mình.

Lễ xong.

(Đình Tân Giám – ấp Nhất Hòa, xã Hiệp Hòa, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

TÚC YẾT NGHI TIẾT

肅謁儀節

糾察祭物。執事者各司其事。樂笙就位。起鉦鼓。樂笙起奏。

東献、西献祭員就位。陪祭員就位。正祭員就位。詣盥洗所。盥洗。復位。詣香案前。跪。焚香。上香。俯伏。興平身。

迎神鞠躬拜(凡四)。

稍退。

員官就位。禮神鞠躬拜。

員職就位。謁神鞠躬拜。

諸夫人、淑人就位。禮神鞠躬拜。

諸祭員各復位。

進爵。

詣大王神位前。詣左班右班位前。跪。酌醴。献爵。俯伏。興拜(凡二)。興平身。

詣讀祝位。皆跪。宣讀祝文。俯伏。興拜(凡

二)。興平身。復位。

進爵。

詣大王神位前。詣左右班位前。跪。酌禮。献爵。俯伏。興拜(凡二)。興平身。復位。

執事者奉諸神位詣登坛所。

起鼓員從登坛所。

諸祭員、員官、鄉職皆從。

護衛者各莊整啟行安座各諸聖位。

諸祭員、員官、鄉職各肅立。

起鼓員就位。

詣盥洗所。盥洗。復位。

謁大王神鞠躬拜(凡二)。興平身。

就先師祠下。詣左右班位前。跪。酌禮。献爵。俯伏。興拜(凡二)。興平身。

(内侍傳言):“神賜福胙”。

(外侍应):“百百福”。

(唱):“詣飲福位”。

跪。飲福。受胙。俯伏。興平身。

謝神恩鞠躬拜(凡四)。興平身。

撤撰。

奉諸聖位还登坛所。諸祭員、員官、鄉職皆從、安座各諸聖位。

禮成。

Phiên âm:

Túc yết nghi tiết

Củ sát tế vật. Chấp sự giả các tư kỳ sự. Nhạc sanh tựu vị. Khởi chinh cổ. Nhạc sanh khởi tấu.

Đông hiến, Tây hiến tế viên tựu vị. Bồi tế viên tựu vị. Chánh tế viên tựu vị. Nghệ quán tẩy sở. Quán tẩy. Phục vị. Nghệ hương án tiền. Quỵ. Phần hương. Thượng hương. Phủ phục. Hưng bình thân.

Nghinh Thần cúc cung bái (phàm tứ).

Sảo thoái.

Viên quan tựu vị. Lễ Thần cúc cung bái.

Viên chức tựu vị. Yết Thần cúc cung bái.

Chư phu nhân, thục nhân tựu vị. Lễ Thần cúc cung bái.

Chư tế viên các phục vị.

Tấn tước.

Nghệ Đại vương Thần vị tiền. Nghệ Tả ban Hữu ban vị tiền. Quỵ. Chước lễ. Hiến chước. Phủ phục. Hưng bái (phàm nhị). Hưng bình thân.

Nghệ độc chúc vị. Giai quỵ. Tuyên độc chúc văn. Phủ phục. Hưng bái (phàm nhị). Hưng bình thân. Phục vị.

Tấn tước.

Nghệ Đại vương Thần vị tiền. Nghệ Tả Hữu ban vị tiền. Quỵ. Chước lễ. Hiến tước. Phủ phục. Hưng bái (phàm nhị). Hưng bình thân. Phục vị.

Chấp sự giả phụng chư Thần vị nghệ đăng đàn sở.

Khởi cổ viên tùng đăng đàn sở.

Chư tế viên, viên quan, hương chức giai tùng.

Hộ vệ giả các trang chỉnh khải hành an tọa các chư Thánh vị.

Chư tế viên, viên quan, hương chức các túc lập.

Khởi cổ viên tựu vị.

Nghệ quán tẩy sở. Quán tẩy. Phục vị.

Yết Đại vương Thần cúc cung bái (phàm nhị). Hưng bình thân.

Tựu Tiên sư từ hạ. Nghệ Tả Hữu ban vị tiền. Quỵ. Chước lễ. Hiến tước. Phủ phục. Hưng bái (phàm nhị). Hưng bình thân.

(Nội thị truyền ngôn): "Thần tứ phước tộ".

(Ngoại thị ứng): "Bách bách phước".

(Xướng): "Nghệ ẩm phước vị".

Quỵ. Ẩm phước. Thụ tộ. Phủ phục. Hưng bình thân.

Tạ Thần ân cúc cung bái (phàm tứ). Hưng bình thân.

Triệt soạn.

Phụng chư Thánh vị hoàn đăng đàn sở. Chư tế viên, viên quan. hương chức giai tùng, an tọa các chư Thánh vị.

Lễ thành.

Tạm dịch:

Nghi tiết lễ Túc yết

Kiểm soát đồ vật cúng tế. Các người giữ việc ai nấy lo việc của mình. Nhạc lễ vào chỗ. Nổi chiêng trống. Nhạc lễ trỗi nhạc.

Đông hiến, Tây hiến, các người đứng tế vào vị trí. Các ông Bồi tế vào bàn nghi. Ông Chánh tế vào bàn nghi. Đến chỗ rửa tay, rửa mặt. Rửa tay, rửa mặt. Quay về chỗ cũ trước bàn nghi. Đến trước bàn hương án. Quì xuống. Đốt hương. Dâng hương. Quì mọp xuống. Đứng lên nghiêm mình.

Đón rước Thần cung kính lạy bốn lạy.

Tạm lui ra phía sau một chút.

Các viên quan vào bàn nghi. Lễ Thần mọp người cung kính lạy.

Các viên chức vào bàn nghi. Tham yết Thần mọp người cung kính lạy.

Các bà phu nhân, thục nhân vào bàn nghi. Lễ Thần mọp người cung kính lạy.

Các người dâng tế đều quay vào chỗ bàn nghi cũ.

Tiến dâng rượu lễ.

Đến trước Thần vị của Đại vương. Đến trước linh vị của Tả ban và Hữu ban. Quỳ xuống. Rót rượu lễ. Dâng rượu lễ. Quì mọp xuống. Lạy hai lạy. Đứng lên nghiêm mình.

Đến chỗ đọc chúc văn. Tất cả đều quì. Tuyên đọc chúc văn. Quì mọp xuống. Lạy hai lạy. Đứng lên nghiêm mình. Trở về vị trí bàn nghi cũ.

Tiến dâng rượu lễ.

Đến trước Thần vị của Đại vương. Đến trước linh vị Tả và Hữu ban. Quì xuống. Rót rượu lễ. Dâng rượu lễ. Quì mọp xuống. Lạy hai lạy. Đứng lên nghiêm mình. Trở về chỗ bàn nghi cũ.

Các người chấp sự nâng Thần vị các Thần đến chỗ lên đàn tế.

Người nổi trống cũng bước theo đến chỗ lên đàn.

Các tế viên, viên quan, hương chức đều bước theo.

Các người hộ vệ chỉnh trang khải hành an tòa các Thánh vị.

Các tế viên, viên quan, hương chức đều đứng nghiêm túc.

Người nổi trống vào chỗ.

Đến chỗ rửa tay, rửa mặt. Rửa tay, rửa mặt. Trở về chỗ bàn nghi cũ.

Tham yết Thần Đại vương mọp người cung kính lạy hai lạy. Đứng lên nghiêm mình.

Đến chỗ khám thờ Tiên sư. Đến trước linh vị của Tả ban và Hữu ban. Quì xuống. Rót rượu lễ. Dâng rượu lễ. Quì mọp xuống. Lạy hai lạy. Đứng lên nghiêm mình.

(Người đứng hầu bên trong truyền lời): "Thần ban cho quả phước".

(Người đứng bên ngoài ứng tiếng đáp): "Trăm năm phước".

(Hô): "Đến chỗ uống rượu phước".

Quì xuống. Uống rượu phước. Nhận quà tặng của Thần. Quì mọp xuống. Đứng lên nghiêm mình.

Tạ ân Thần mọp người cung kính lạy bốn lạy. Đứng lên nghiêm mình.

Dọn mâm cỗ cúng Thần xuống.

Phụng đem các Thánh vị trở về chỗ đăng đàn. Các tế viên, viên quan, hương chức đều đi theo, ai cũng thỉnh Thánh vị an tòa.

Lễ xong.

(Đình Tân Giám – ấp Nhất Hòa, xã Hiệp Hòa, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

CHÁNH ĐÀN NGHI TÂN CHẾ

正坛儀新制(丁亥年)

糾察祭物。執事者各司其事。樂笙就位。起鉦鼓。樂笙奏樂。

祝聖、祝壽。加官進爵。

東献、西献、分拜、陪拜各就位。正祭就位。詣盥洗所。盥洗。復位。詣香案前。跪。焚香。上香。俯伏。興平身。

迎神鞠躬拜(凡四)。興平身。

稍退。

員官就位。謁神鞠躬拜。復位。

行初献禮。

謁正大王神位前。跪。酌醴。献爵。俯伏。興

拜(凡二)。興平身。

詣讀祝位。皆跪。讀祝。俯伏。興平身。復位。分献。詣左右班位前。跪。酌醴。献爵。俯伏。興拜(凡二)。興平身。

行亞献禮。

詣正大王神位前。詣左右班位前。跪。酌醴。献爵。俯伏。興拜(凡二)。興平身。復位。

行終献禮。

詣正大王神位前。詣左右班位前。跪。酌醴。献爵。俯伏。興拜(凡二)。興平身。復位。

(侍立傳言):“神賜福胙”。

(外唱):“百百福”。

(唱):“詣飲福位”。

跪。飲福。受胙。俯伏。興平身。

謝神恩鞠躬拜(凡二)。興平身。

撤饌。点茶。將告文捧詣燎所。詣望燎位。焚告文。望燎。

復辞神鞠躬拜(凡四)。

礼畢。

Phiên âm:

Chánh đàn nghi tân chế (Đinh Mão niên)

Củ sát tế vật. Chấp sự giả các tư kỳ sự. Nhạc sanh tựu vị. Khởi chinh cổ. Nhạc sanh tấu nhạc.

Chúc thánh, chúc thọ. Gia quan tấn tước.

Đông hiến, Tây hiến, Phân bái, Bồi bái các tựu vị. Chánh tế tựu vị. Nghệ quán tẩy sở. Quán tẩy. Phục vị. Nghệ hương án tiền. Quỵ. Phần hương. Thượng hương. Phủ phục. Hưng bình thân.

Nghinh Thần cúc cung bái (phàm tứ). Hưng bình thân.

Sảo thoái.

Viên quan tựu vị. Yết Thần cúc cung bái. Phục vị.

Hành sơ hiến lễ.

Yết chánh Đại vương Thần vị tiền. Quỵ. Chước lễ. Hiến tước. Phủ phục. Hưng bái (phàm nhị). Hưng bình thân.

Nghệ độc chúc vị. Giai quỵ. Độc chúc. Phủ phục. Hưng bình thân. Phục vị. Phân hiến. Nghệ Tả Hữu ban vị tiền. Quỵ. Chước lễ. Hiến tước. Phủ phục. Hưng bái (phàm nhị). Hưng bình thân.

Hành á hiến lễ.

Nghệ chánh Đại vương Thần vị tiền. Nghệ Tả Hữu ban vị tiền. Quỵ. Chước lễ. Hiến tước. Phủ phục. Hưng bái (phàm nhị). Hưng bình thân. Phục vị.

Hành chung hiến lễ.

Nghệ chánh Đại vương Thần vị tiền. Nghệ Tả Hữu ban vị tiền. Quỵ. Chước lễ. Hiến tước. Phủ phục. Hưng bái (phàm nhị). Hưng bình thân. Phục vị.

(Thị lập truyền ngôn): "Thần tứ phước tộ".

(Ngoại xướng): "Bách bách phước".

(Xướng): "Nghệ ẩm phước vị".

Quỵ. Ẩm phước. Thụ tộ. Phủ phục. Hưng bình thân.

Tạ Thần ân cúc cung bái (phàm nhị). Hưng bình thân.

Triệt soạn. Điểm trà. Tương cáo văn phủng nghệ liệu sở. Nghệ

vọng liệu vị. Phần cáo văn. Vọng liệu.

Phục từ Thần cúc cung bái (phàm tứ).

Lễ tất.

Tạm dịch:

Quy chế mới nghi thức Chánh đàn (năm Đinh Mão)

Kiểm soát đồ vật cúng tế. Các người giữ việc ai lo việc nấy. Nhạc lễ vào chỗ. Nổi chiêng trống. Nhạc sanh trỗi nhạc.

Chúc thánh, chúc thọ. Gia quan tấn tước.

Đông hiến, Tây hiến, Phân bái, Bồi bái đều vào bàn nghi. Chánh tế vào bàn nghi. Đến chỗ rửa tay, rửa mặt. Rửa tay, rửa mặt. Trở về chỗ cũ trước bàn nghi. Đến trước bàn hương án. Quỳ xuống. Đốt hương. Dâng hương. Quì mọp xuống. Đứng lên nghiêm mình.

Đón rước Thần mọp mình cung kính lạy bốn lạy. Đứng lên nghiêm mình. Tạm lui ra phía sau một chút.

Viên quan vào trước bàn nghi. Đến trước Thần mọp mình cung kính lạy. Trở về chỗ cũ trước bàn nghi.

Tiến hành lễ dâng rượu lần đầu.

Đến trước Thần vị chánh Đại vương. Quỳ xuống. Rót rượu lễ. Dâng rượu lễ. Quì mọp xuống. Lạy hai lạy. Đứng lên nghiêm mình.

Đến chỗ đọc chúc văn. Tất cả đều quỳ. Đọc chúc văn. Quì mọp xuống. Đứng lên nghiêm mình. Quay về chỗ bàn nghi. Dâng rượu phân ra các bàn thờ khác. Đến trước linh vị Tả và Hữu ban. Quì xuống. Rót rượu lễ. Dâng rượu lễ. Quì mọp xuống. Lạy hai lạy. Đứng lên nghiêm mình.

Tiến hành lễ dâng rượu lần thứ hai.

Đến trước Thần vị chánh Đại vương. Đến trước linh vị Tả và Hữu ban. Quì xuống. Rót rượu lễ. Dâng rượu lễ. Quì mọp xuống. Lạy hai lạy. Đứng lên nghiêm mình. Trở về chỗ cũ trước bàn nghi.

Tiến hành lễ dâng rượu lần cuối.

Đến trước Thần vị chánh Đại vương. Đến trước linh vị Tả và Hữu ban. Quì xuống. Rót rượu lễ. Dâng rượu lễ. Quì mọp xuống. Lạy

hai lạy. Đứng lên nghiêm mình. Trở về chỗ cũ trước bàn nghi.

(Người đứng hầu truyền lời): "Thần ban cho quả phước".

(Bên ngoài đáp lại): "Trăm trăm phước".

(Hô): "Đến chỗ uống rượu phước".

Quì xuống. Uống rượu phước. Nhận quả phước (*Ba miếng trầu*). Quì mọp xuống. Đứng lên nghiêm mình.

Tạ ơn Thần mọp người cung kính lạy hai lạy. Đứng lên nghiêm mình.

Dọn mâm cỗ cúng xuống. Rót dâng trà. Đem chúc văn mang đến chỗ đốt. Đến chỗ nhìn đốt chúc văn. Đốt chúc văn. Nhìn chúc văn cháy.

Từ giã Thần mọp mình cung kính lạy bốn lạy.

Lễ xong.

(Đình Tân Giám – ấp Nhất Hòa, xã Hiệp Hòa, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

TẾ TIÊN BỐI NGHI

祭先輩儀

正祭就位。詣盥洗所。盥洗。詣香案前。跪。焚香。上香。俯伏。興平身。

禮先輩尊靈鞠躬拜(凡四)。興平身。

初獻禮。

跪。酌酒。獻酒。俯伏。興平身。

轉祝。皆跪。讀祝。俯伏。興平身。鞠躬拜(凡二)。興平身。

亞獻禮。

跪。酌酒。献酒。俯伏。興平身。

終献禮。

跪。酌酒。献酒。俯伏。興平身。

点茶。

謝先輩尊靈鞠躬拜(凡四)。興平身。

焚祝。撤撰。

礼畢。

Phiên âm:

Tế Tiên bối nghi

Chánh tế tựu vị. Nghệ quán tẩy sở. Quán tẩy. Nghệ hương án tiền. Quỵ. Phần hương. Thượng hương. Phủ phục. Hưng bình thân.

Lễ Tiên bối tôn linh cúc cung bái (phàm tứ). Hưng bình thân.

Sơ hiến lễ.

Quỵ. Chước tửu. Hiến tửu. Phủ phục. Hưng bình thân.

Chuyển chúc. Giai quỵ. Độc chúc. Phủ phục. Hưng bình thân. Cúc cung bái (phàm nhị). Hưng bình thân.

Á hiến lễ.

Quỵ. Chước tửu. Hiến tửu. Phủ phục. Hưng bình thân.

Chung hiến lễ.

Quỵ. Chước tửu. Hiến tửu. Phủ phục. Hưng bình thân.

Điểm trà.

Tạ Tiên bối tôn linh cúc cung bái (phàm tứ). Hưng bình thân.

Phần chúc. Triệt soạn.

Lễ tất.

Tạm dịch:

Nghi thức lễ tế Tiên bối

Chánh tế vào bàn nghi. Đến chỗ rửa tay, rửa mặt. Rửa tay, rửa mặt. Đến trước bàn hương án. Quì xuống. Đốt hương. Dâng hương. Quì mọp xuống. Đứng lên nghiêm mình.

Lễ tôn linh Tiên bối mọp người cung kính lạy bốn lạy. Đứng lên nghiêm mình.

Lễ dâng rượu lần đầu.

Quì xuống. Rót rượu. Dâng rượu. Quì mọp xuống. Đứng lên nghiêm mình.

Chuyển giao chúc văn. Tất cả đều quì. Đọc chúc văn. Quì mọp xuống. Đứng lên nghiêm mình. Mọp người cung kính lạy hai lạy. Đứng lên nghiêm mình.

Lễ dâng rượu lần thứ hai.

Quì xuống. Rót rượu. Dâng rượu. Quì mọp xuống. Đứng lên nghiêm mình.

Lễ dâng rượu lần cuối.

Quì xuống. Rót rượu. Dâng rượu. Quì mọp xuống. Đứng lên nghiêm mình.

Rót dâng trà.

Tạ tôn linh Tiên bối mọp người cung kính lạy bốn lạy. Đứng lên nghiêm mình.

Đốt chúc văn. Dọn mâm cỗ cúng xuống.

Lễ xong.

(Đình Tân Giám – ấp Nhất Hòa, xã Hiệp Hòa,
Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

CHÁNH ĐÀN NGHI THỨC

正壇儀式

(外唱):糾察祭物。執事者各司其事。樂笙就位。起鉦鼓。

(新制)「祝聖、祝壽。加官進爵。員官就位。恭神鞠躬拜(凡四)。興平身。稍退」。

東献、西献、分拜、陪拜各就位。正祭就位。詣盥洗所。盥洗。復位。詣香案前。跪。焚香。上香。俯伏。興平身。

迎神鞠躬拜(凡四)。興平身。

(外唱):行初献禮。

(内唱):詣正献神位前。跪。酌酒。献酒。俯伏。興拜(凡二)。興平身。

轉祝。皆跪。讀祝。俯伏。興平身。鞠躬拜(凡二)。興平身。復位。

(外唱):分献。

(内唱):詣左右班位前。跪。酌酒。献酒。俯伏。興拜(凡二)。興平身。

(外唱):行亞献禮。

(内唱):詣正献神位前。跪。酌酒。献酒。俯伏。興拜(凡二)。興平身。俯伏。

(外唱)：詣左右班位前。跪。酌酒。献酒。俯伏。興拜(凡二)。興平身。

(外唱)：行終献禮。

(内唱)：詣正献神位前。跪。酌酒。献酒。俯伏。興拜(凡二)。興平身。復位。

(外唱)：詣左右班位前。跪。酌酒。献酒。俯伏。興拜(凡二)。興平身。(前古左右私詣。茲後左右合詣)。

(侍立傳言)："神賜福胙"。

(内唱)："詣飲福位"。

跪。飲福。受胙。俯伏。興平身。鞠躬拜(凡二)。興平身。

撤饌。

辞神鞠躬拜(凡四)。興平身。

(新制)：「稍退。員官、鄉職同来拜。復位」。

司告文捧詣燎所。詣望燎位。望燎。復位。

禮畢。

Phiên âm:

Chánh đàn nghi thức

(Ngoại xướng): Củ sát tế vật. Chấp sự giả các tư kỳ sự. Nhạc sanh tựu vị. Khởi chinh cổ.

(Tân chế): [Chúc thánh, chúc thọ. Gia quan tấn tước. Viên quan tựu vị. Cung Thần cúc cung bái (phàm tứ). Hưng bình thân. Sảo thoái].

Đông hiến, Tây hiến, Phân bái, Bồi bái các tựu vị. Chánh tế tựu vị. Nghệ quán tẩy sở. Quán tẩy. Phục vị. Nghệ hương án tiền. Quỵ. Phần hương. Thượng hương. Phủ phục. Hưng bình thân.

Nghinh Thần cúc cung bái (phàm tứ). Hưng bình thân.

(Ngoại xướng): **Hành sơ hiến lễ.**

(Nội xướng): Nghệ chánh hiến Thần vị tiền. Quỵ. Chước tửu. Hiến tửu. Phủ phục. Hưng bái (phàm nhị). Hưng bình thân.

Chuyển chúc. Giai quỵ. Độc chúc. Phủ phục. Hưng bình thân. Cúc cung bái (phàm nhị). Hưng bình thân. Phục vị.

(Ngoại xướng): Phân hiến.

(Nội xướng): Nghệ Tả Hữu ban vị tiền. Quỵ. Chước tửu. Hiến tửu. Phủ phục. Hưng bái (phàm nhị). Hưng bình thân.

(Ngoại xướng): **Hành á hiến lễ.**

(Nội xướng): Nghệ chánh hiến Thần vị tiền. Quỵ. Chước tửu. Hiến tửu. Phủ phục. Hưng bái (phàm nhị). Hưng bình thân. Phục vị.

(Ngoại xướng): Nghệ Tả Hữu ban vị tiền. Quỵ. Chước tửu. Hiến tửu. Phủ phục. Hưng bái (phàm nhị). Hưng bình thân.

(Ngoại xướng): **Hành chung hiến lễ.**

(Nội xướng): Nghệ chánh hiến Thần vị tiền. Quỵ. Chước tửu. Hiến tửu. Phủ phục. Hưng bái (phàm nhị). Hưng bình thân. Phục vị.

(Ngoại xướng): Nghệ Tả Hữu ban vị tiền. Quỵ. Chước tửu. Hiến tửu. Phủ phục. Hưng bái (phàm nhị). Hưng bình thân. *(Tiền cổ Tả Hữu ban tư nghệ. Tư hậu Tả Hữu ban hiệp nghệ).*

(Thị lập truyền ngôn): "Thần tứ phước tộ".

(Nội xướng): "Nghệ ẩm phước vị".

Quỵ. Ẩm phước. Thụ tộ. Phủ phục. Hưng bình thân. Cúc cung bái (phàm nhị). Hưng bình thân.

Triệt soạn.

Từ Thần cúc cung bái (phàm tứ). Hưng bình thân.

(Tân chế): [Sảo thoải. Viên quan, hương chức đồng lai bái. Phục vị].

Tư cáo văn phủng nghệ liệu sở. Nghệ vọng liệu vị. Vọng liệu. Phục vị.

Lễ tất.

Tạm dịch:

Nghi thức Chánh đàn

(Bên ngoài hô): Kiểm soát đồ vật cúng. Các người giữ việc ai lo việc nấy. Nhạc lễ vào trước bàn nghi. Nổi chiêng trống lên.

(Theo thể chế mới thì có thêm "Chúc thánh, chúc thọ. Gia quan tấn tước. Viên quan vào trước bàn nghi. Ra mắt Thần mọp mình cung kính lạy bốn lạy. Đứng lên nghiêm mình. Tạm lui về phía sau").

Đông hiến, Tây hiến, Phân bái, Bồi bái đều vào trước bàn nghi. Chánh tế vào trước bàn nghi. Đến chỗ rửa tay và mặt. Rửa tay và mặt. Trở về chỗ cũ trước bàn nghi. Đến trước bàn hương án. Quì xuống. Đốt hương. Dâng hương. Quì mọp xuống. Đứng lên nghiêm mình.

Đón rước Thần mọp mình cung kính lạy bốn lạy. Đứng lên nghiêm mình.

(Bên ngoài hô): **Tiến hành lễ dâng rượu lần đầu.**

(Bên trong hô): Đến trước Thần vị chánh hiến. Quì xuống. Rót rượu. Dâng rượu. Quì mọp xuống. Lạy hai lạy. Đứng lên nghiêm mình.

Chuyển giao chúc văn. Tất cả đều quì. Đọc chúc văn. Quì mọp xuống. Đứng lên nghiêm mình. Mọp mình cung kính lạy hai lạy. Đứng lên nghiêm mình. Trở về chỗ cũ trước bàn nghi.

(Bên ngoài hô): Dâng rượu phân ra các bàn thờ khác.

(Bên trong hô): Đến trước bài vị của Tả ban và Hữu ban. Quì

xuống. Rót rượu. Dâng rượu. Quì mọp xuống. Lạy hai lạy. Đứng lên nghiêm mình.

(Bên ngoài hô): **Tiến hành lễ dâng rượu lần thứ hai.**

(Bên trong hô): Đến trước Thần vị chánh hiến. Quì xuống. Rót rượu. Dâng rượu. Quì mọp xuống. Lạy hai lạy. Đứng lên nghiêm mình. Trở về chỗ cũ trước bàn nghi.

(Bên ngoài hô): Đến trước linh vị của Tả ban và Hữu ban. Quì xuống. Rót rượu. Dâng rượu. Quì mọp xuống. Lạy hai lạy. Đứng lên nghiêm mình.

(Bên ngoài hô): **Tiến hành lễ dâng rượu lần cuối.**

(Bên ngoài hô): Đến trước Thần vị chánh hiến. Quì xuống. Rót rượu. Dâng rượu. Quì mọp xuống. Lạy hai lạy. Đứng lên nghiêm mình. Trở về chỗ cũ trước bàn nghi.

(Bên ngoài hô): Đến trước Thần vị của Tả ban và Hữu ban. Quì xuống. Rót rượu. Dâng rượu. Quì mọp xuống. Lạy hai lạy. Đứng lên nghiêm mình. *(Xưa kia Tả ban và Hữu ban đến riêng. Từ ngày sau Tả ban và Hữu ban cùng đến một lượt).*

(Người đứng hầu truyền lời): "Thần ban cho quà phước "

(Bên trong hô): "Đến vị trí uống rượu phước".

Quì xuống. Uống rượu phước của Thần. Nhận vật ban tặng của Thần. Quì mọp xuống. Đứng lên nghiêm mình. Mọp mình cung kính lạy hai lạy. Đứng lên nghiêm mình.

Dọn mâm cỗ cúng xuống.

Từ giả Thần cung kính lạy bốn lạy. Đứng lên nghiêm mình.

(Thể chế mới có thêm: "Tạm lui ra phía sau một chút. Viên quan, hương chức cùng đến lạy. Quay về chỗ cũ trước bàn nghi").

Nâng cáo văn (chúc văn) đem đến chỗ đốt. Đến chỗ nhìn lửa đốt. Nhìn lửa đốt. Quay về chỗ cũ trước bàn nghi.

Lễ xong.

(Đình Tân Giám – ấp Nhất Hòa, xã Hiệp Hòa, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

TÂN GIÁM ẤP

新監邑

緣於、

丙寅年、拾月廿七、八日祈安常例、召嬉班歌舞一筵恭祝慶成新庙。有儀式文祝、撰擇貿易從局歌筵、經里陶先生制作。

茲以賀局樂成、請敕安尤殿、興作儀節:

正祭就位。詣盥洗所。盥洗。復位。詣香案前。跪。焚香。上香。

謁神鞠躬拜(凡四)。興平身。

行献禮已。

詣正献神位前。跪。酌禮。献爵。俯伏。興拜(凡二)。興平身。

詣讀祝位。皆跪。讀祝。俯伏。興平身已復位。点茶。

礼成。

Phiên âm:

Tân Giám ấp

Duyên ư,

Bính Dần niên, thập nguyệt (trấp) nhập thất, bát nhựt Kỳ an thường lệ, triệu hí ban ca vũ nhất diên cung chúc khánh thành tân miếu. Hữu nghi thức văn chúc, tuyển trạch mậu dịch tùng cục ca diên,

kinh lý Đào tiên sinh chế tác.

Tư dĩ hạ cục lạc thành, thỉnh sắc an vưu điện, hưng tác nghi tiết:

Chánh tế tựu vị. Nghệ quán tẩy sở. Quán tẩy. Phục vị. Nghệ hương án tiền. Quỵ. Phần hương. Thượng hương.

Yết Thần cúc cung bái (phàm tứ). Hưng bình thân.

Hành hiến lễ dĩ.

Nghệ chánh hiến Thần vị tiền. Quỵ. Chước lễ. Hiến tước. Phủ phục. Hưng bái (phàm nhị). Hưng bình thân.

Nghệ độc chúc vị. Giai quỵ. Độc chúc. Phủ phục. Hưng bình thân dĩ phục vị. Điểm trà.

Lễ thành.

Tạm dịch:

Ấp Tân Giám

Nhân vì,

Vào năm Bính Dần, tháng 10, ngày 27 và 28, nhằm ngày Kỳ yên thường lệ, mời đoàn hát bội đến ca múa, bày yến tiệc kính mừng khánh thành miếu mới. Có nghi thức và văn chúc, chọn lựa – đổi thay theo cuộc tiệc mà ca diễn (bài bản) do quan kinh lý Đào tiên sinh chế tác.

Nay nhân miếu mừng công cuộc hoàn thành, thỉnh sắc Thần vào điện xong rồi, bèn bắt đầu nghi thức:

Chánh tế vào chỗ bàn nghi. Đến chỗ rửa tay, rửa mặt. Rửa tay, rửa mặt. Quay về chỗ cũ trước bàn nghi. Đến trước bàn hương án. Quì xuống. Đốt hương. Dâng hương.

Ra mắt Thần mọp người cung kính lạy bốn lạy. Đứng lên nghiêm mình.

Tiến hành hiến lễ (ba lần) xong.

Đến trước Thần vị chánh hiến. Quì xuống. Rót rượu lễ. Dâng rượu lễ. Quì mọp xuống. Lạy hai lạy. Đứng lên nghiêm mình.

Đến vị trí đọc chúc văn. Tất cả đều quì. Tuyên đọc chúc văn. Quì mọp xuống. Đứng lên nghiêm mình (xong) quay trở về chỗ cũ. Rót dâng trà.

Lễ xong.

(Đình Tân Giám – ấp Nhất Hòa, xã Hiệp Hòa, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

MÃN DIÊN TỐNG THÁNH NGHI TIẾT

滿筵送聖儀節

就在坛上。正祭就位。詣盥洗所。盥洗。復位。

謁諸聖位鞠躬拜(凡四)。興平身。

奉諸聖位还祠殿。

安諸圣位各座殿。復位。

詣香案所。跪。焚香。上香。俯伏。興拜(凡四)。興平身。

進爵。跪。酌禮。献爵。俯伏。興平身。

詣讀祝位。宣讀祝文。俯伏。興拜(凡二)。興平身。復位。

点茶。

奉諸聖位及告文皆詣燎所。詣望燎位。焚圣位、告文。望燎。復位。

辞神鞠躬拜(凡四)。興平身。

禮畢。

請神歸殿設樂作儀。

興作文祝。

Phiên âm:

Mãn diên tống Thánh nghi tiết

Tựu tại đàn thượng. Chánh tế tựu vị. Nghệ quán tẩy sở. Quán tẩy. Phục vị.

Yết chư Thánh vị cúc cung bái (phàm tứ). Hưng bình thân.

Phụng chư Thánh vị hoàn từ điện.

An chư Thánh vị các tọa điện. Phục vị.

Nghệ hương án sở. Quỵ. Phần hương. Thượng hương. Phủ phục. Hưng bái (phàm tứ). Hưng bình thân.

Tấn tước. Quỵ. Chước lễ. Hiến tước. Phủ phục. Hưng bình thân.

Nghệ độc chúc vị. Tuyên độc chúc văn. Phủ phục. Hưng bái (phàm nhị). Hưng bình thân. Phục vị.

Điểm trà.

Phụng chư Thánh vị cập cáo văn giai nghệ liệu sở. Nghệ vọng liệu vị. Phần Thánh vị, cáo văn. Vọng liệu. Phục vị.

Từ Thần cúc cung bái (phàm tứ). Hưng bình thân.

Lễ tất.

Thỉnh Thần qui điện thiết nhạc tác nghi.

Hưng tác văn chúc.

Tạm dịch:

Nghi tiết tiễn đưa Thánh khi tiệc đã tàn

Tựu lại trên đàn. Chánh tế vào bàn nghi. Đến chỗ rửa tay, rửa mặt. Rửa tay, rửa mặt. Trở về chỗ bàn nghi cũ.

Ra mắt chư Thánh vị cung kính lạy bốn lạy. Đứng lên nghiêm

mình.

Phụng đem các Thánh vị trở về đền điện.

An bài các Thánh vị tại các tòa điện. Trở về chỗ bàn nghi cũ.

Đến trước bàn hương án. Quì xuống. Đốt hương. Dâng hương. Quì mọp xuống. Lạy bốn lạy. Đứng lên nghiêm mình.

Tiến dâng rượu lễ. Quì xuống. Rót rượu lễ. Dâng rượu lễ. Quì mọp xuống. Đứng lên nghiêm mình.

Đến chỗ đọc chúc văn. Tuyên đọc chúc văn. Quì mọp xuống. Lạy hai lạy. Đứng lên nghiêm mình. Trở về chỗ bàn nghi cũ.

Rót dâng trà.

Phụng đem các Thánh vị và chúc văn đến chỗ đốt. Đến chỗ nhìn lửa đốt. Đốt các Thánh vị và chúc cáo văn. Nhìn lửa cháy. Trở về chỗ bàn nghi cũ.

Từ giã Thần mọp người cung kính lạy bốn lạy. Đứng lên nghiêm mình.

Lễ xong.

Nghi lễ thiết nhạc thỉnh Thần về điện.

Hưng tác văn chúc.

(Đình Tân Giám – ấp Nhất Hòa, xã Hiệp Hòa,
Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

TẾ NGŨ HÀNH NGHI THỨC

祭五行儀式

糾察祭物。執事者各司其事。鄉職就位。

恭迓聖娘鞠躬拜(凡四)。興平身。

稍退。

樂笙就位。起鉦鼓。正祭就位。詣盥洗所。盥洗。復位。